TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13/6/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Kim Nhung**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Bá Bảo**.

2.Ông **Nguyễn Kim Thành**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hương Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2024; Thông báo thời gian mở phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết M - Sinh năm: 1981. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 45, phường T, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Viết H – Sinh năm: 1977. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 45, phường T, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà* Lê Thị Tuyết M *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đỗ Viết H có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đ vào ngày 13/11/2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 255/2019. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp. Mâu thuẫn đã được hai bên gia

đình nội, ngoại hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được. Nay về tình cảm, tôi xác định không còn yêu thương ông Đỗ Viết H nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Đỗ Viết H có 03 con chung: Đỗ Thị Thanh V, sinh ngày 19/6/2002; Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 và Đỗ Tiến P, sinh ngày: 28/7/2013. Các cháu ở cùng với tôi tại địa chỉ: Tổ 45, phường T, quận S, thành phố Đ. Riêng cháu Đỗ Thị Thanh V đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi có chỗ ở ổn định và có công việc đủ để nuôi các con ăn học. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

** Đối với bị đơn – ông Đỗ Viết H mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Đỗ Viết H theo thủ tục chung.*

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Viết H vắng mặt lần thứ hai nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đỗ Viết H theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết M đối với ông Đỗ Viết H.

- Giao 02 con chung: Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 và Đỗ Tiến P, sinh ngày: 28/7/2013 cho bà Lê Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Viết H không cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với con chung Đỗ Thị Thanh V sinh ngày 19/6/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Lê Thị Tuyết M xác nhận không có tài sản chung và xác định không có nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Viết H vắng mặt không có ý kiến trình bày, nếu sau này bà Lê Thị Tuyết M và ông Đỗ Viết H có tranh chấp về nợ chung và chia tài sản chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết M nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] **Về nội dung:** Bà Lê Thị Tuyết M và ông Đỗ Viết H có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường T, quận S, thành phố Đ vào ngày 13/11/2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 255/2019. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết M và ông Đỗ Viết H theo lời trình bày của bà M: Vợ chồng ông, bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cải vã, Mâu thuẫn đã được hai bên nội ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Về phía ông Đỗ Viết H, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông H đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Đỗ Viết H không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương thì được chính quyền địa phương phường T, quận S cung cấp. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1981 và ông Đỗ Viết H, sinh năm 1977 sau khi kết hôn sinh sống tại địa chỉ: Tổ 45, phường T, quận S, thành phố Đ (đây là nhà cha mẹ ruột của ông H). Trong quá trình chung sống, giữa bà M và ông H có xảy ra mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm rõ. Nay, bà M nộp đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông H thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật mà giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn của bà Lê Thị Tuyết M và ông Đỗ Viết H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết M đối với ông Đỗ Viết H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết M xác định vợ chồng có 03 con chung: Đỗ Thị Thanh V, sinh ngày 19/6/2002; Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 và Đỗ Tiến P, sinh ngày: 28/7/2013. Ly hôn, bà M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung. Riêng đối với con chung Đỗ Thị Thanh V sinh ngày 19/6/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Xét yêu cầu về quyền được nuôi con: Đỗ Thị Minh T, Đỗ Tiến P đang ở ổn định ở với bà M tại địa chỉ: Tổ 45, phường T, quận S, thành phố Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Tuyết M xác nhận, bà và ông H không còn

chung sống cùng nhà, bà M có việc làm và chỗ ở ổn định thuận lợi về việc chăm sóc các con vì vậy giao cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Đỗ Thị Minh T và Đỗ Tiến P là phù hợp. Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu ông H yêu cầu thay đổi nuôi con thì giải quyết bằng một vụ án khác. Đối với con chung Đỗ Thị Thanh V sinh ngày 19/6/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Tuyết M xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Sau này nếu bà Lê Thị Tuyết M và ông Đỗ Viết H có tranh chấp về nợ chung và chia tài sản chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Lê Thị Tuyết M phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung* " của bà Lê Thị Tuyết M và ông Đỗ Viết H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Tuyết M được ly hôn với ông Đỗ Viết H. *(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Tuyết M đối với ông Đỗ Viết H nên giấy đăng ký kết hôn số 255/2019 ngày 13 tháng 11 năm 2019, do UBND phường T, quận S, thành phố Đ cấp không còn giá trị pháp lý).*

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung: Đỗ Thị Minh T, sinh ngày 15/8/2009 và Đỗ Tiến P, sinh ngày: 28/7/2013 cho bà Lê Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Viết H không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Về tài sản chung bà Lê Thị Tuyết M xác định không có tài sản chung nên không xem xét.

4.Về nợ chung: Bà Lê Thị Tuyết M xác định không có nợ chung.

Sau này nếu bà Lê Thị Tuyết M và ông Đỗ Viết H có tranh chấp về nợ chung và chia tài sản chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lê Thị Tuyết M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Tuyết M đã nộp tại biên lai thu số 0001888 ngày 18/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Tuyết M đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Sơn Trà, TP. ĐN;*
- *Chi cục THADS Q. Sơn Trà, ĐN;*
- *UBND phường Thọ Quang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Kim Nhung